

Phụ lục
DANH SÁCH CHI TIẾT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO XÃ ĐẮK PÉK
Năm: 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 315 /BC-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Đăk Pék)

Mẫu số 01/DS HN, HCN, Phụ lục I
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT)

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
1	23341	Đăk Pék	A Toàn	062088000339	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
2	23341	Đăk Pék	Y Biên	062171003083	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
3	23341	Đăk Pék	A Toal	062076000127	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
4	23341	Đăk Pék	A Bláo	062046000007	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
5	23341	Đăk Pék	A Thiết	062091000355	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
6	23341	Đăk Pék	Y Đạo	062156000054	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
7	23341	Đăk Pék	Y Goái	062146000019	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
8	23341	Đăk Pék	A Liêu	062082000261	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
9	23341	Đăk Pék	A Tệp	062083004393	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
10	23341	Đăk Pék	A Ký	062081002885	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
11	23341	Đăk Pék	Y Phiếu	062195006775	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
12	23341	Đăk Pék	A Đruát	062044001897	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
13	23341	Đăk Pék	A Tiêng	062082004238	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
14	23341	Đăk Pék	A Dững	062087000343	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
15	23341	Đăk Pék	Y Poang	062144002027	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
16	23341	Đăk Pék	Y Hoanh	062172004218	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
17	23341	Đăk Pék	A Thêu	062079000209	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
18	23341	Đăk Pék	A Tâm	062079003278	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
19	23341	Đăk Pék	A Ta	062076000128	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
20	23341	Đăk Pék	A Phoang	062067000090	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
21	23341	Đăk Pék	Y Tring	062146000015	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
22	23341	Đăk Pék	A Chóp	062037000005	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
23	23341	Đăk Pék	A Khoan	062077000147	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
24	23341	Đăk Pék	A Jun	062043000008	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
25	23341	Đăk Pék	A Kha	062080088118	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
26	23341	Đăk Pék	Y Liêm	062183003557	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
27	23341	Đăk Pék	Y Dao	062140001855	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
28	23341	Đăk Pék	Y Dững	062182000283	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
29	23341	Đăk Pék	Y Hoàng	062177000153	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
30	23341	Đăk Pék	A Vă	062201004968	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
31	23341	Đăk Pék	Y Muar	062152001411	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
32	23341	Đăk Pék	Y Phê	062173002049	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
33	23341	Đăk Pék	A Dang	062077003118	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
34	23341	Đăk Pék	Y Lôn (Y Lônہ)	062146000017	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
35	23341	Đăk Pék	A Duân (A Duôn)	062057000050	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
36	23341	Đăk Pék	A Tương (1)	062079000212	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
37	23341	Đăk Pék	Y Nek	062164004592	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
38	23341	Đăk Pék	A Tương (2)	062076000125	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
39	23341	Đăk Pék	Y Vân	062174000126	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
40	23341	Đăk Pék	Y Thuộc	062184003548	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
41	23341	Đăk Pék	Y Oih	062139001717	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
42	23341	Đăk Pék	A Sương	062079000211	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
43	23341	Đăk Pék	Y Wuất	062055000036	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
44	23341	Đăk Pék	A Thiếp	062091000355	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
45	23341	Đăk Pék	A Đẻ	062070002840	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
46	23341	Đăk Pék	Y Am	062140000013	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
47	23341	Đăk Pék	Y Lợi	062145000009	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
48	23341	Đăk Pék	A Noi	062054002334	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
49	23341	Đăk Pék	A Hương	062070000083	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
50	23341	Đăk Pék	A Quốc (2)	062083000265	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
51	23341	Đăk Pék	A Quốc (1)	062060000087	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
52	23341	Đăk Pék	A Na Huân	062095000323	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
53	23341	Đăk Pék	A Thoong	062073002252	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
54	23341	Đăk Pék	Y Oi	062170000131	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
55	23341	Đăk Pék	Y Cháu	062139000006	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
56	23341	Đăk Pék	A Biễn	062090000166	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
57	23341	Đăk Pék	Y Pheng (Y Phong)	062176000154	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
58	23341	Đăk Pék	Y Phỏ	062173002010	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
59	23341	Đăk Pék	A Phiêng	062080004216	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
60	23341	Đăk Pék	Y Jóp	062163002817	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
61	23341	Đăk Pék	A Bêng	062035001533	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
62	23341	Đăk Pék	Y Nhun	062153000024	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
63	23341	Đăk Pék	A Thun	062096000301	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
64	23341	Đăk Pék	Y Phon	026180000210	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
65	23341	Đăk Pék	A Thim	062079000198	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
66	23341	Đăk Pék	Y Diei	062148001533	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
67	23341	Đăk Pék	A Thâm	062096000304	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
68	23341	Đăk Pék	A Trong	062095000326	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
69	23341	Đăk Pék	A Lunh	062058000062	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
70	23341	Đăk Pék	Y Niel	062147002841	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
71	23341	Đăk Pék	A Tơ	062073000107	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
72	23341	Đăk Pék	A Huyết	062061000056	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
73	23341	Đăk Pék	Y Tráp	062145000010	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
74	23341	Đăk Pék	Y Chuail (Y Doát)	062145000008	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
75	23341	Đăk Pék	Y Đrôi	062138000011	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
76	23341	Đăk Pék	A An	062096000292	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
77	23341	Đăk Pék	A Nheo	062062002474	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
78	23341	Đăk Pék	Y Đon	062184000343	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
79	23341	Đăk Pék	A Nhák	062082000246	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
80	23341	Đăk Pék	A Piu	062089004120	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
81	23341	Đăk Pék	A Đa Nin	062095000322	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
82	23341	Đăk Pék	Y Nhun (B)	062174003584	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
83	23341	Đăk Pék	Y Miêi	062193000409	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
84	23341	Đăk Pék	A Uôn	062082005163	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
85	23341	Đăk Pék	A Heng	062093005783	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
86	23341	Đăk Pék	Y Yên (A Pách)	062187000392	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
87	23341	Đăk Pék	Y Duát	062132000004	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
88	23341	Đăk Pék	Y Nan	062149000029	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
89	23341	Đăk Pék	A Hải	062085003758	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
90	23341	Đăk Pék	A Thống	062082000250	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
91	23341	Đăk Pék	A Dao	062060000088	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
92	23341	Đăk Pék	Y Dưới	062150002971	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
93	23341	Đăk Pék	Y Sơ Tê	062197005377	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
94	23341	Đăk Pék	Y Nười	062159002007	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
95	23341	Đăk Pék	Y Trieo	062158002174	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
96	23341	Đăk Pék	Y Phoih	062150000024	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
97	23341	Đăk Pék	A Linh	062095000177	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
98	23341	Đăk Pék	A Chuăk	062051002599	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
99	23341	Đăk Pék	A Nhen	062094003976	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
100	23341	Đăk Pék	Y Tông	062139000005	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
101	23341	Đăk Pék	Y Chau	062148002395	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
102	23341	Đăk Pék	Y Nhong	062151000025	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
103	23341	Đăk Pék	Y Ténh	062051000021	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
104	23341	Đăk Pék	A Thêng	062094004927	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
105	23341	Đăk Pék	A Lóa	062061000074	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
106	23341	Đăk Pék	A Dóp	062043000007	Chung Năng	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
107	23341	Đăk Pék	A Hùng	062063003196	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
108	23341	Đăk Pék	A Tét (Y Dun)	062054002765	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
109	23341	Đăk Pék	Y Duol	062146003542	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
110	23341	Đăk Pék	Y Thiêm	062184002866	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
111	23341	Đăk Pék	Y Dum (A Trâu)	062157003138	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
112	23341	Đăk Pék	Y Meo	062179002839	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
113	23341	Đăk Pék	A Hiêng	062079000210	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
114	23341	Đăk Pék	Y Phôm	062179002765	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
115	23341	Đăk Pék	A Mốt	062088006867	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
116	23341	Đăk Pék	A Diên	062051002312	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
117	23341	Đăk Pék	Y Nuốt	062178002138	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
118	23341	Đăk Pék	Y Bĩa	062133001609	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
119	23341	Đăk Pék	Y Xiêl	062137002601	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
120	23341	Đăk Pék	Y Uôn	062120003225	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
121	23341	Đăk Pék	Y Nhêl (A Nát)	062178002481	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
122	23341	Đăk Pék	Y Xã	062183000168	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
123	23341	Đăk Pék	A Diêy	062067002314	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
124	23341	Đăk Pék	Y Thơm	062187004207	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
125	23341	Đăk Pék	Y Bui (A Duak)	062153003019	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
126	23341	Đăk Pék	A Nục	062178005282	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
127	23341	Đăk Pék	A Bình Công	062096000149	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
128	23341	Đăk Pék	A Thoại	062096000127	Đăk Tung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
129	23341	Đăk Pék	Y Phinh	062188000391	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
130	23341	Đăk Pék	A Bêng	062143000011	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
131	23341	Đăk Pék	A Kiên	062050000020	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
132	23341	Đăk Pék	Y Xai	062149003038	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
133	23341	Đăk Pék	A Bi	062060003756	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
134	23341	Đăk Pék	A Niêng	062158002719	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
135	23341	Đăk Pék	Y Miếi (A Bậy)	062179002355	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
136	23341	Đăk Pék	Y Nhai	062138000010	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
137	23341	Đăk Pék	A Đrau	062028001647	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
138	23341	Đăk Pék	A Chính	062077000087	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
139	23341	Đăk Pék	A Biêr	062043000006	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
140	23341	Đăk Pék	Y Chièo	062155000056	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
141	23341	Đăk Pék	A Bình	062044000010	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
142	23341	Đăk Pék	Y Dịp	062157000065	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
143	23341	Đăk Pék	A Riêi	062044000008	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
144	23341	Đăk Pék	Y Diêm	062184000351	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
145	23341	Đăk Pék	Y Ruối	062158000096	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
146	23341	Đăk Pék	Y Juân	062157003171	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
147	23341	Đăk Pék	A Ny	062060000056	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
148	23341	Đăk Pék	Y Noi	062158000087	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
149	23341	Đăk Pék	A Kâu	062065000118	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
150	23341	Đăk Pék	A Liêu	062088000180	Đăk Poi	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
151	23341	Đăk Pék	Y Đrô	062179002355	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
152	23341	Đăk Pék	A Bra	062174003584	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
153	23341	Đăk Pék	Y Hoát	062141000009	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
154	23341	Đăk Pék	Y Biết	062154001795	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
155	23341	Đăk Pék	Y Dáp	062204000187	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
156	23341	Đăk Pék	Y Mói	062166003694	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
157	23341	Đăk Pék	Y Bêm	062123002413	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
158	23341	Đăk Pék	Y Chảo	062148002344	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
159	23341	Đăk Pék	Y Kớ	062140001957	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
160	23341	Đăk Pék	A Bui	062044001372	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
161	23341	Đăk Pék	Y Huê	062138002601	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
162	23341	Đăk Pék	Y Miên	062179003185	Long Nang	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
163	23341	Đăk Pék	Phạm Thị Hội	052133002707	16/5	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
164	23341	Đăk Pék	Phạm Thị Liễu	062306006789	16/5	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
165	23341	Đăk Pék	Y Mợp	062194000096	16/5	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
166	23341	Đăk Pék	A Thấm	062073003392	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
167	23341	Đăk Pék	Y Thang	062157002650	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
168	23341	Đăk Pék	Y Tãi	062189000185	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
169	23341	Đăk Pék	Y Dur	062152002718	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
170	23341	Đăk Pék	A Hảo	062075004158	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
171	23341	Đăk Pék	Y Tăng	062155000038	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
172	23341	Đăk Pék	A Ku	062077000142	Đăk Ra	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
173	23341	Đăk Pék	Đoàn Thị Bé	036147005517	Đăk Dung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
174	23341	Đăk Pék	A Thịnh	062087006096	Đăk Dung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
175	23341	Đăk Pék	Y Trinh	062189000194	Đăk Dung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
176	23341	Đăk Pék	Lê Khắc Thắng	038067008253	Đăk Dung	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
177	23341	Đăk Pék	A Lều	062043001514	Đông Sông	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
178	23341	Đăk Pék	A Hằng	062090007312	Đông Sông	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
179	23341	Đăk Pék	Lê Thị Kiều	051164000599	Đông Sông	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
180	23341	Đăk Pék	Y Lệ Huy	062180000292	Đông Sông	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
181	23341	Đăk Pék	Đỗ Thị Tài	049163000420	Đăk Xanh	x		175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
182	23341	Đăk Pék	Đào Văn Hòa	046064000801	Đăk Xanh		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
183	23341	Đăk Pék	Y Thun	062191000289	16/5		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
184	23341	Đăk Pék	Y Bê	062177000849	16/5		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
185	23341	Đăk Pék	Y Vết	062059000028	16/5		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
186	23341	Đăk Pék	Cù Thị Bình	042160000613	16/5		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
187	23341	Đăk Pék	A Ráp	062044000002	Đông Sông		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
188	23341	Đăk Pék	Y Phúc	062182007247	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
189	23341	Đăk Pék	Y Vỉnh	062177000039	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
190	23341	Đăk Pék	Bùi Văn Thiệu	017068006157	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
191	23341	Đăk Pék	A Lia	062093000116	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
192	23341	Đăk Pék	Y Thỏ	062186000258	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
193	23341	Đăk Pék	Y Heng	062195000099	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
194	23341	Đăk Pék	A Thuần	062094005196	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
195	23341	Đăk Pék	A Khả	062090000109	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
196	23341	Đăk Pék	A Đức	062086003939	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
197	23341	Đăk Pék	Y Thủy	062191000293	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
198	23341	Đăk Pék	A Phăng	062065001815	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
199	23341	Đăk Pék	A The	062090000111	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
200	23341	Đăk Pék	A Liên (Y Hơ)	062190000272	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
201	23341	Đăk Pék	A Đạt	062189003444	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
202	23341	Đăk Pék	Y Cả	062153002091	Đăk Ra		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
203	23341	Đăk Pék	Y Xuất	062159002765	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
204	23341	Đăk Pék	Y Duốc	062202002977	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
205	23341	Đăk Pék	A Nen	062301000156	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
206	23341	Đăk Pék	A Ló	062065002297	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
207	23341	Đăk Pék	Y Lâm	062174002965	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
208	23341	Đăk Pék	A Hua	062078002254	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
209	23341	Đăk Pék	A Thỏ	062096000182	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
210	23341	Đăk Pék	A Đăk	062066003143	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
211	23341	Đăk Pék	A Săn	062320000363	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
212	23341	Đăk Pék	Y Di	062160001987	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
213	23341	Đăk Pék	A Thiếp	062085004782	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
214	23341	Đăk Pék	Y Khuôn (A Klát)	062140002110	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
215	23341	Đăk Pék	A Phon	062073002288	Long Nang		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
216	23341	Đăk Pék	A Diэк	062063000112	Đăk Poi		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
217	23341	Đăk Pék	A Ruang	062080001246	Đăk Poi		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
218	23341	Đăk Pék	Y Bar	062142000006	Đăk Poi		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
219	23341	Đăk Pék	A Đrót	062057000051	Đăk Poi		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
220	23341	Đăk Pék	Y Nhang	062181000236	Đăk Poi		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
221	23341	Đăk Pék	A Trinh	062086002864	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
222	23341	Đăk Pék	A Mêm	062072003998	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
223	23341	Đăk Pék	A Niêng	062082003306	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
224	23341	Đăk Pék	A Đấp	062052001855	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
225	23341	Đăk Pék	A Đriệp	062089000195	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
226	23341	Đăk Pék	Y Nhấp	062137003422	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
227	23341	Đăk Pék	A Luók	062070001867	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
228	23341	Đăk Pék	A Hội	062060003205	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
229	23341	Đăk Pék	A Thuần	062096000131	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
230	23341	Đăk Pék	A Mươi	062093000208	Đăk Tung		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
231	23341	Đăk Pék	A Triu	062069003727	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
232	23341	Đăk Pék	A Diêng	062087005559	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
233	23341	Đăk Pék	A Hvôn	062088003354	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
234	23341	Đăk Pék	A Hviên	062070003245	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
235	23341	Đăk Pék	A Phong	062074002547	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
236	23341	Đăk Pék	Y Dế	062169000122	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
237	23341	Đăk Pék	A Hục	062078000160	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
238	23341	Đăk Pék	Y Lào	062134000002	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
239	23341	Đăk Pék	Y Trêng	062162002280	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
240	23341	Đăk Pék	A Víp	062091007012	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
241	23341	Đăk Pék	A Klam	062095000325	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
242	23341	Đăk Pék	A Gla	062058000070	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
243	23341	Đăk Pék	A La Tùng	062089000317	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
244	23341	Đăk Pék	A Thương	062087000341	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
245	23341	Đăk Pék	A Tu	062087004303	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
246	23341	Đăk Pék	A Sân	062094000303	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
247	23341	Đăk Pék	A Thanh	062200000307	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
248	23341	Đăk Pék	A Tính	062093000363	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
249	23341	Đăk Pék	A Tuấn	062082000111	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
250	23341	Đăk Pék	A Thúc	062096000291	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
251	23341	Đăk Pék	A Hiêk	062070000141	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
252	23341	Đăk Pék	A Uẩn	062089000177	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
253	23341	Đăk Pék	A Tim	062071000109	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
254	23341	Đăk Pék	A Khương	062085005994	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
255	23341	Đăk Pék	A Phê	062093000365	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
256	23341	Đăk Pék	A Đêu	062092000157	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
257	23341	Đăk Pék	A Goong	062083003644	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
258	23341	Đăk Pék	A Son	062072004360	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
259	23341	Đăk Pék	Y Pháo	062185000388	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
260	23341	Đăk Pék	A Vi	062091000343	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
261	23341	Đăk Pék	A Phiêu	062075000110	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
262	23341	Đăk Pék	A Niêi	062081000208	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
263	23341	Đăk Pék	A Xum	062084000313	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
264	23341	Đăk Pék	A Kim	062073002723	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
265	23341	Đăk Pék	A Xuất	062072000135	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
266	23341	Đăk Pék	A Sol	062073002785	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
267	23341	Đăk Pék	A Phâng	062079000215	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
268	23341	Đăk Pék	A Kiên	062076000121	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
269	23341	Đăk Pék	A Ruột	062063001801	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
270	23341	Đăk Pék	A Neo	062086006041	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
271	23341	Đăk Pék	A Trêm (B)	062056000040	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
272	23341	Đăk Pék	A Phăng	062068000129	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
273	23341	Đăk Pék	A Mung	062091000349	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
274	23341	Đăk Pék	A Niam	062064000116	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
275	23341	Đăk Pék	Y Nei	062168002318	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
276	23341	Đăk Pék	Y Bói	062163000119	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
277	23341	Đăk Pék	A Hoa	062093000362	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
278	23341	Đăk Pék	A Dim	Mất CCCD	Chung Năng		x	175/QĐ- UBND	13-12-2024	Kon Tum	610, 23341	Huyện Đăk Glei, thị trấn Đăk Glei
279	23341	Đăk Pék	Đoàn Văn Hùng	056069009117	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
280	23341	Đăk Pék	Y Kháp	062150000023	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
281	23341	Đăk Pék	Y Hạnh	062183000442	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
282	23341	Đăk Pék	Y Côn	062147003596	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
283	23341	Đăk Pék	Y Hương	062188000394	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
284	23341	Đăk Pék	Y Biên	062152002433	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
285	23341	Đăk Pék	Y Liêng	62188005113	14 A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
286	23341	Đăk Pék	Lê Thị Đông	048143002914	14A	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
287	23341	Đăk Pék	Y Nen	062168003606	14 B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
288	23341	Đăk Pék	A Đoa	062095000344	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
289	23341	Đăk Pék	A Chiễn	062081000110	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
290	23341	Đăk Pék	Y Boan	062150002600	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
291	23341	Đăk Pék	A Văn	062087003200	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
292	23341	Đăk Pék	Phạm Văn Phương	038082021093	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
293	23341	Đăk Pék	A Nhiệp	062088000116	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
294	23341	Đăk Pék	A Trường	062097000126	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
295	23341	Đăk Pék	Lê Thị Bích Hà	062197000463	14B	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
296	23341	Đăk Pék	Y Sen	062189000534	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
297	23341	Đăk Pék	A Thát	062082000349	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
298	23341	Đăk Pék	A Mou	062065000174	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
299	23341	Đăk Pék	Y Viên	062141000014	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
300	23341	Đăk Pék	Y Dong	062190000570	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
301	23341	Đăk Pék	Y Nai	062177000290	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
302	23341	Đăk Pék	Y Veng	062171000168	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
303	23341	Đăk Pék	Y Nghem	062185000510	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
304	23341	Đăk Pék	A Vững	062086000458	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
305	23341	Đăk Pék	A Nảo	062094006414	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
306	23341	Đăk Pék	A Nă	062089000579	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
307	23341	Đăk Pék	A Lý	062085000493	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
308	23341	Đăk Pék	A Thót	062083004207	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
309	23341	Đăk Pék	A Thoi	062060002317	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
310	23341	Đăk Pék	Y Nhá	062143001632	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
311	23341	Đăk Pék	A Ngừa	062053000036	Đăk Nớ	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
312	23341	Đăk Pék	A Muók	062049000026	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
313	23341	Đăk Pék	Y Hoăn	062182000411	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
314	23341	Đăk Pék	Y Pha	062172000127	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
315	23341	Đăk Pék	A Phan	062079000291	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
316	23341	Đăk Pék	Y Nghên	062188000533	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
317	23341	Đăk Pék	A Păh	062051000019	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
318	23341	Đăk Pék	A MRó	062066000101	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
319	23341	Đăk Pék	Y Nhiệu	62166002617	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
320	23341	Đăk Pék	A Jôh	062056000057	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
321	23341	Đăk Pék	Y Sâm	062184000354	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
322	23341	Đăk Pék	Y Thâng	062167000105	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
323	23341	Đăk Pék	Y Khai	062188000383	Đăk Rang	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
324	23341	Đăk Pék	Y Phôn	062186003076	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
325	23341	Đăk Pék	A Lý	062073000161	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
326	23341	Đăk Pék	A Béc	062082004565	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
327	23341	Đăk Pék	Y Lem	062170000164	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
328	23341	Đăk Pék	A Biễn	062091000500	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
329	23341	Đăk Pék	A Lâm	062089004341	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
330	23341	Đăk Pék	Y Báp	062142001672	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
331	23341	Đăk Pék	Y Tàu	062160002095	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
332	23341	Đăk Pék	Y Mạ	062160000167	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
333	23341	Đăk Pék	A Non	62078000230	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
334	23341	Đăk Pék	Y Tiết	062163000202	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
335	23341	Đăk Pék	A Mong	062046000017	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
336	23341	Đăk Pék	Y Nhút	062157000091	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
337	23341	Đăk Pék	A BLó	62065000187	Đăk Ven	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
338	23341	Đăk Pék	Y Hon	062184000340	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
339	23341	Đăk Pék	A Tĩnh	062081000205	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
340	23341	Đăk Pék	Y Lien	062166000112	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
341	23341	Đăk Pék	Y Mэк	062169000162	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
342	23341	Đăk Pék	A Phóng	062080000224	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
343	23341	Đăk Pék	Y Niềng	062186000388	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
344	23341	Đăk Pék	Y Lâr	062141000008	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
345	23341	Đăk Pék	A Boang	062072000133	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
346	23341	Đăk Pék	A Kar	062054000037	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
347	23341	Đăk Pék	A Mun	062074002836	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
348	23341	Đăk Pék	Y Dâng	062184000348	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
349	23341	Đăk Pék	A Dòn	062088000338	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
350	23341	Đăk Pék	A Hôi	062095000348	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
351	23341	Đăk Pék	A Nia	062081000213	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
352	23341	Đăk Pék	A Phê	062085000379	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
353	23341	Đăk Pék	Hồ Văn Bạn	049097016443	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
354	23341	Đăk Pék	Y Phurong	062186000372	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
355	23341	Đăk Pék	A Son	062093000376	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
356	23341	Đăk Pék	A Mãi	062065000113	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
357	23341	Đăk Pék	A Mê	062092000300	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
358	23341	Đăk Pék	A Khuyết	062095000331	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
359	23341	Đăk Pék	A Lực	062093000383	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
360	23341	Đăk Pék	A Dang	062072000181	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
361	23341	Đăk Pék	A Mẽ	062058000065	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
362	23341	Đăk Pék	Y Nguơng	062181000240	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
363	23341	Đăk Pék	Y Thếp	062188000392	Dên Prông	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
364	23341	Đăk Pék	A Hong	062088000427	Pêng Siel	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
365	23341	Đăk Pék	A Thét	062065000171	Pêng Siel	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
366	23341	Đăk Pék	A Hiêm	062089000414	Pêng Siel	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
367	23341	Đăk Pék	A Theng	Mất CCCD đang làm	Pêng Siel	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
368	23341	Đăk Pék	Y Phát	062189000543	Pêng Siel	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
369	23341	Đăk Pék	Y Vei	062136001288	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
370	23341	Đăk Pék	A Kêl	062064004323	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
371	23341	Đăk Pék	Y Dor	062148000017	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
372	23341	Đăk Pék	A Than	062057000048	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
373	23341	Đăk Pék	Y Val	062159000095	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
374	23341	Đăk Pék	A Vô	062086000337	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
375	23341	Đăk Pék	Y Íp	062148002978	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
376	23341	Đăk Pék	Y Đốt	062145002187	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
377	23341	Đăk Pék	A Chiu	062045000018	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
378	23341	Đăk Pék	Y Liép	062146001499	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
379	23341	Đăk Pék	A Un	062064003505	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
380	23341	Đăk Pék	A Thực	062088000352	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
381	23341	Đăk Pék	Y Chía	062157002883	Pêng Sal Pêng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
382	23341	Đăk Pék	Y Keng	062160002419	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
383	23341	Đăk Pék	A Hol	062097000261	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
384	23341	Đăk Pék	A Ban	062097000256	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
385	23341	Đăk Pék	A Nòi	062093000215	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
386	23341	Đăk Pék	A BRang	062053000029	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
387	23341	Đăk Pék	A Then	062075000124	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
388	23341	Đăk Pék	A Nót	062074000138	Đăk Đoát	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
389	23341	Đăk Pék	Y Ngó	062158000117	Măng Rao	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
390	23341	Đăk Pék	A Va	062086000457	Măng Rao	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
391	23341	Đăk Pék	A Cheng	062072004260	Măng Rao	x		82/QĐ- UBND	15-12-2024	Kon Tum	610, 23354	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
392	23341	Đăk Pék	Lương Thị Lua	062178000255	Đông Thượng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
393	23341	Đăk Pék	Y Hốp	062187000406	Đông Thượng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
394	23341	Đăk Pék	A Ly	062082004488	Đông Thượng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
395	23341	Đăk Pék	A Don	062078000245	Đông Thượng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
396	23341	Đăk Pék	A Hương	062086001609	Đông Thượng	x		82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
397	23341	Đăk Pék	Y Ôi	062156000063	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
398	23341	Đăk Pék	A Xủ	062088000335	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
399	23341	Đăk Pék	Lê Thị Đông	048143002914	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
400	23341	Đăk Pék	A Thương	062081000216	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
401	23341	Đăk Pék	Y Mên	062160000107	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
402	23341	Đăk Pék	Đinh Kiều Loan	062052000024	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
403	23341	Đăk Pék	Y Thai	062172000143	14A		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
404	23341	Đăk Pék	Y Hiên	062197000306	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
405	23341	Đăk Pék	A Vỡ	062089003491	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
406	23341	Đăk Pék	Y Neo	062053004070	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
407	23341	Đăk Pék	A Mới	062091000364	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
408	23341	Đăk Pék	Y Vơ	062144002199	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
409	23341	Đăk Pék	Y Núi	062163002288	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
410	23341	Đăk Pék	A Nhiêm	062055002066	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
411	23341	Đăk Pék	A Chác	062052002834	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
412	23341	Đăk Pék	Y Gií	062143002199	14B		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
413	23341	Đăk Pék	A Buom	062082000333	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
414	23341	Đăk Pék	A Nhan	062076000173	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
415	23341	Đăk Pék	A Ia	062066000146	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
416	23341	Đăk Pék	A Thia	062086000479	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
417	23341	Đăk Pék	A Dọt	062084000421	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
418	23341	Đăk Pék	Y Giầu	062185000507	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
419	23341	Đăk Pék	Y Nưng	062179000268	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
420	23341	Đăk Pék	A Dinh	062093000537	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
421	23341	Đăk Pék	A Cơ	062079000287	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
422	23341	Đăk Pék	A Bươi	062077000211	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
423	23341	Đăk Pék	A Nhật	062086000455	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
424	23341	Đăk Pék	A Dọ	062084000418	Đăk Nớ		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
425	23341	Đăk Pék	A Oai	062045002757	Đăk Rang		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
426	23341	Đăk Pék	Y Ngheo	062168000184	Đăk Rang		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
427	23341	Đăk Pék	Y Nhar	062145000007	Đăk Rang		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
428	23341	Đăk Pék	A Thun	062066000143	Đăk Ven		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
429	23341	Đăk Pék	A Vinh	062056003127	Đăk Ven		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
430	23341	Đăk Pék	Y Nhát	062145000020	Đăk Ven		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
431	23341	Đăk Pék	Y Mại	062180000319	Đăk Ven		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
432	23341	Đăk Pék	A Phương	062080000302	Đăk Ven		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
433	23341	Đăk Pék	A Non	062078000230	Đăk Ven		x	82/QĐ- UBND	15-12-2024	Kon Tum	610, 23354	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
434	23341	Đăk Pék	A Nghiêng	062090000362	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
435	23341	Đăk Pék	A Bâu	062066000103	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
436	23341	Đăk Pék	Y Đệt	054083000735	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
437	23341	Đăk Pék	A Niêm	062090000353	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
438	23341	Đăk Pék	A Hòa	062087000352	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
439	23341	Đăk Pék	A Ngút	062077000149	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
440	23341	Đăk Pék	A Không	062074000140	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
441	23341	Đăk Pék	A Khi	062068000131	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
442	23341	Đăk Pék	A Tám	062072000134	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
443	23341	Đăk Pék	A Đên	062093000377	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
444	23341	Đăk Pék	A Thát	062061000100	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
445	23341	Đăk Pék	Y Nhók	062148000021	Dên Prông		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
446	23341	Đăk Pék	A Nhoài	062095000333	Pêng Siêl		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
447	23341	Đăk Pék	A Tiệp	062050000035	Pêng Siêl		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
448	23341	Đăk Pék	A Bồng	062065000114	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
449	23341	Đăk Pék	Y Năng	062171000118	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
450	23341	Đăk Pék	Y Xuất	062152002492	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
451	23341	Đăk Pék	Ngô Quang Gấm	004089007864	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
452	23341	Đăk Pék	Y Phát	062165000112	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
453	23341	Đăk Pék	A Ngoa	062070000147	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
454	23341	Đăk Pék	A Phần	062087001283	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
455	23341	Đăk Pék	Y Hiềng	062178000174	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
456	23341	Đăk Pék	Y Đốt	062145002187	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
457	23341	Đăk Pék	Y Tham	062162000099	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
458	23341	Đăk Pék	A PLệt	062049000019	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
459	23341	Đăk Pék	Y Bút	062154001853	Pêng Sal Pêng		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
460	23341	Đăk Pék	Y Hạ	062191000418	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
461	23341	Đăk Pék	A Lui	062092000325	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
462	23341	Đăk Pék	A Chiến	062092000324	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
463	23341	Đăk Pék	A Hơn	062080000207	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
464	23341	Đăk Pék	A Thí	062060000097	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
465	23341	Đăk Pék	A Xếp	062093000393	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
466	23341	Đăk Pék	Y Tân	062194000375	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
467	23341	Đăk Pék	Y Chón	062045000021	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
468	23341	Đăk Pék	A Tài	062092000326	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
469	23341	Đăk Pék	A Ka Lô	062096000315	Đăk Đoát		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
470	23341	Đăk Pék	Y Tênh	062165000152	Măng Rao		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
471	23341	Đăk Pék	Y Ngọp	062160000153	Măng Rao		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
472	23341	Đăk Pék	Y Chăm	062159000135	Măng Rao		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék

STT	Mã xã	Tên xã	Tên chủ hộ	Số CMND/ CCCD/Mã số định danh cá nhân của chủ hộ	Địa chỉ (Thôn)	Đối tượng hộ gia đình		Văn bản công nhận		Tên tỉnh	Mã huyện, xã	Tên huyện, xã
						Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Số văn bản	Ngày ban hành			
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9
473	23341	Đăk Pék	Y Dấu	062160000156	Măng Rao		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
474	23341	Đăk Pék	A Nhong	062073000206	Măng Rao		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
475	23341	Đăk Pék	A Thương	062096000705	Măng Rao		x	82/QĐ- UBND	14-12-2024	Kon Tum	610, 23353	Huyện Đăk Glei, xã Đăk Pék
Tổng cộng: 475												

Hướng dẫn cách ghi biểu:

- Cột (A): Ghi số thứ tự.
- Cột (B): Ghi mã mã xã theo quy định tại Quyết định số: 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025.
- Cột (B): Ghi mã mã xã theo quy định tại Quyết định số: 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025.
- Cột (D): Ghi họ tên chủ hộ.
- Cột (1): Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc mã số định danh cá nhân của chủ hộ.
- Cột (2): Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố, thôn, bản,
- Cột (3): Đánh dấu [x] nếu hộ gia đình là hộ nghèo.
- Cột (4): Đánh dấu [x] nếu hộ gia đình là hộ cận nghèo.
- Cột (5): Ghi số văn bản của văn bản công nhận hộ gia đình là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.
- Cột (6): Ghi ngày ban hành văn bản công nhận gia đình là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (theo định dạng dd/mm/yyyy).
- Cột (7): Tên tỉnh trước khi sáp nhập.
- Cột (8): Ghi mã huyện, mã xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004.
- Trường hợp địa phương sát nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi mã đơn vị hành chính chia tách, sát nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.
- Cột (9): Ghi tên huyện, tên xã theo quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004.
- Trường hợp địa phương sát nhập hoặc chia tách đơn vị hành chính (không thuộc phạm vi của Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg) thì ghi tên đơn vị hành chính chia tách, sát nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung.